

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 01-2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và Ông Phạm Minh Đức.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2026 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên mở phiên toà công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17/10/2025, về việc *“ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 12/12/2025 và QĐ hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị H**, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ dân phố T, phường D, tỉnh Ninh Bình;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong phạm vi giao nộp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, giải quyết thủ tục nuôi con chung (*hợp đồng ủy quyền số 909/2025 ngày 03/9/2025*): Công ty L, người đại diện theo pháp luật: là ông Phạm Ba Đ, luật sư điều hành. Người được ủy quyền lại: bà Đoàn Thị T và bà Vũ Thị Ánh Q.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1991; địa chỉ: đội A, tổ dân phố , phường S, tỉnh Hưng Yên;

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: đội A, tổ dân phố T, phường S, tỉnh Hưng Yên;

- Bà Lê Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ dân phố T, phường D, tỉnh Ninh Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày:

Chị H và anh H1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H, nay là UBND phường S, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính cách và suy nghĩ không hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và kinh tế. Bản thân chị H làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, khi có con bị áp lực về kinh tế dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên có khuyên can nhưng anh, chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, không có biện pháp khắc phục. Đến năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng hơn nên chị H đã đưa cháu K về nhà bố mẹ để sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H1 có gọi điện trao đổi bảo chị H về nhưng chị H không đồng ý nên anh, chị không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do thời gian sống ly thân đã lâu, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H1. Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/9/2015 và Nguyễn Nhật Đăng K, sinh ngày 30/7/2017. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị H và giao cháu T1 cho anh H1 nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày: xác nhận về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Về mâu thuẫn, năm 2017 anh H1 bị tai nạn lao động làm suy giảm sức khỏe nên công việc và thu nhập giảm sút nên anh, chị có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, về suy nghĩ và quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Cuối năm 2017, do mâu thuẫn kéo dài nên chị H đã đem cháu K về bố, mẹ để sinh sống đến nay được 08 năm. Anh H1 và gia đình đã nhiều lần nói chuyện với chị H và gia đình nhưng chị Hoa cương Q1 không về. Anh H1 muốn các con có gia đình trọn vẹn nên sẵn sàng đón nhận chị H về tiếp tục chung sống, nếu chị H vẫn đề nghị ly hôn anh H1 nhất trí, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án. Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/9/2015 và Nguyễn Nhật Đăng K, sinh ngày 30/7/2017, không có con nuôi, con riêng. Anh H1 đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị H và giao cháu T1 cho anh H1 nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H1 thể hiện quan điểm từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do anh là người Công giáo, nghiêm cấm giáo dân ly hôn, chỉ khi vợ hoặc chồng chết mới kết hôn với người khác, đồng thời từ chối không ký văn bản khi làm việc với Tòa án.

Cháu Nguyễn Nhật Đăng K và Nguyễn Thành T1 trình bày: Hiện nay cháu K đang ở với chị H, cháu T1 đang ở với anh H1, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố.

Chính quyền địa phương nơi anh T1 cung cấp: không ghi nhận hoặc nghe phản ánh về việc chị H và anh H1 mâu thuẫn, năm 2017 chị H mang con về gia đình bố, mẹ để sinh sống, anh H1 và người con lớn vẫn sinh sống tại địa phương, anh H1 làm nghề tự do và có thu nhập để nuôi con.

Bà Nguyễn Thị S, là mẹ anh H1 cung cấp: năm 2017 anh H1 bị tai nạn sức khỏe giảm sút, khoảng 2 tháng sau khi anh H1 phục hồi, chị H đã mang theo con thứ 2 là cháu K về nhà bố, mẹ để sinh sống. Bà S và anh H1 nhiều lần điện thoại bảo chị H về nhưng chị H không đồng ý nên anh chị không còn liên lạc với nhau, nay chị H có đơn ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Bà S thể hiện quan điểm bà và anh H1 là người công giáo, nghiêm cấm việc ly hôn nên chỉ cung cấp ý kiến, từ chối không ký bất kỳ văn bản nào liên quan đến việc giải quyết ly hôn của chị H và anh H1.

Bà Lê Thị B, là mẹ của chị H trình bày: năm 2017 chị H mang con về nhà bà sinh sống từ đó đến nay. Khi đó, chị H nói chị H và anh H1 có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, anh H1 gọi điện thoại bảo chị H về chung sống nhưng chị H không nhất trí nên từ đó hai người không liên lạc. Nay chị H có đơn ly hôn anh H1 đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Gia đình bà có đủ điều kiện về chỗ ở ổn định để cho mẹ con chị H sinh sống, bản thân bà ở nhà làm công việc nội trợ nên có nhiều thời gian trông nom giúp mẹ con chị H trong việc đưa đón cháu K đi học.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không thực hiện được do đương sự từ chối.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 mặc dù được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại Điều 225, từ Điều 227 đến Điều 229, Điều 234, Điều 239, Điều 247 đến Điều 258, Điều 260 đến Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự; Đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử cho chị H được ly hôn anh H1. Về con chung: Giao cháu T1 cho anh H1, cháu K cho chị H nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Hôn nhân của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H1 là hôn nhân hợp pháp. Do chung sống không hạnh phúc nên chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh H1 cư trú tại phường S, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”.

Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H1 vắng mặt lần thứ 2 mặc dù được triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng và các tài liệu khác có liên quan trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở trình bày của các đương sự có căn cứ xác định: Chị H, anh H1 chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống, kinh tế và không tìm thấy tiếng nói chung, sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ. Chị H đưa con về nhà bố, mẹ ở N, cả 2 anh chị đều không có biện pháp khắc phục, hàn gắn hôn nhân. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị H từ chối hòa giải, anh H1 không có phương án để vợ chồng đoàn tụ, thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án mặc dù được triệu tập hợp lệ. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh H1.

2.2. Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/9/2015 và Nguyễn Nhật Đăng K, sinh ngày 30/7/2017, không có con nuôi, con riêng. Khi sống ly thân, chị H đã đưa cháu K về Ninh Bình sinh sống; còn cháu T1 vẫn sinh sống cùng anh H1. Trên cơ sở nguyện vọng của chị H, anh H1 và cháu K, cháu T1, HĐXX thấy: Căn cứ vào điều kiện kinh tế của chị H và anh H1, đồng thời để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và học tập của cháu K và cháu T1 nên giao cháu K cho chị H, giao cháu T1 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, chị H, anh H1 hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị H, cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/9/2015 và Nguyễn Nhật Đăng K, sinh ngày 30/7/2017, không có con nuôi, con riêng. Giao cháu Nguyễn Đăng K cho chị H, giao cháu Nguyễn Thành

T1 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, chị H, anh H1 hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức chung: đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002308 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận.

- Các đương sự;
- VKSND KV1- Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án DS tỉnh HY;
- UBND phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 42, quyển số 01/2014 ngày 13/10/2014 do UBND xã Hùng Cường cấp)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thúy Hà